

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 03-03-2021

v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Du

Ông Nguyễn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2020/DS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 02/02/2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P - Sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 29 đường L, phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T - Sinh năm: 1958. Địa chỉ: K58/5E đường D, quận T, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền lập ngày 24/7/2020) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hồ Thị N - Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 42 đường Đ, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Xuân V - Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Xuân S - Sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 42 đường Đ, tổ 59, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

4. Người làm chứng:

Ông Nguyễn Thanh Q.

Địa chỉ: Tổ 03 thôn N, xã H, huyện V, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong các đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2019, ngày 19/02/2020 và ngày 26/02/2020, bảng tự khai đề ngày 02/12/2020 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đình T trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến 2016, bà Nguyễn Thị P có cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân V và bà Hồ Thị N vay số tiền 2.680.000.000 đồng. Khi bà Hồ Thị N bị bắt giam tại Công an quận Cẩm Lệ, bà Hồ Thị N gọi điện nói chồng là ông Nguyễn Xuân V cùng con trai là Nguyễn Xuân S đến nhà bà Nguyễn Thị P xác nhận công nợ, sau khi kiểm tra các giấy nợ ông V cùng con trai xác nhận hai vợ chồng ông V và bà N còn nợ lại bà Nguyễn Thị P số tiền 2.680.000.000 đồng. Bà Hồ Thị N gọi điện nói với bà Nguyễn Thị P số tiền này thì ông Nguyễn Xuân V với con trai Nguyễn Xuân S có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P 2.000.000.000 đồng, còn lại số tiền 680.000.000 đồng bà Hồ Thị N có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị P. Tuy nhiên, cho đến nay bà N vẫn không trả nợ cho bà Nguyễn Thị P. Do đó, bà Nguyễn Thị P đã khởi kiện bà Hồ Thị N yêu cầu Tòa án buộc bà Hồ Thị N trả lại cho bà Nguyễn Thị P tổng số tiền là 883.184.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là: 680.000.000 đồng và tiền lãi là 203.184.000 đồng (với lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 27/10/2016 đến ngày 27/10/2019).

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, theo đó: Buộc Bà Hồ Thị N trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc là: 680.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 27/10/2016 đến ngày 03/3/2021, lãi suất 0,83%/tháng. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho bà N thì số tiền lãi yêu cầu là 150.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 830.000.000 đồng.

Trong đơn trình bày ý kiến đề ngày 20/11/2020, bị đơn bà Hồ Thị N trình bày: Vào khoảng năm 2015, bà N có vay của bà Nguyễn Thị P số tiền 680.000.000 đồng để làm ăn. Ngày 26/10/2016, bà bị bắt tạm giam nên không thực hiện được việc thanh toán số tiền nợ này. Bà hẹn đến ngày 30.12.2020, bà sẽ hoàn trả số tiền nợ 680.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi: Vì thời gian quá lâu nên bà đề nghị Tòa án xem xét về thời hiệu và không chấp nhận số tiền lãi 203.184.000 đồng. Do hiện nay, bà đang chấp hành án nên bà xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến khiếu nại về sau.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân V và ông Nguyễn Xuân S: Mặc dù ông V và ông Sang đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V và ông Sang vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

Đối với người làm chứng ông Nguyễn Thanh Q: Mặc dù ông Quang đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập để tòa án tiến hành lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng ông Quang vẫn vắng mặt không có lý do.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 73, 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2019, ngày 20/12/2019 và ngày 19/02/2020 thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay trong thời gian từ năm 2013 đến 2016. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền: Hiện nay, bị đơn bà Hồ Thị Nđang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Quyết định Thi hành án hình phạt tù số 187/2019/QĐ-CA ngày 19/11/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, trước khi chấp hành hình phạt tù, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 42 đường Đ, phường X, quận C, thành phố

Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Tại bản tự khai đề ngày 20/11/2020, bị đơn bà Hồ Thị Ncó đề nghị xét xử vắng mặt bà. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Xuân V và ông Nguyễn Xuân S, người làm chứng ông Nguyễn Thanh Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nga, ông V, ông Sang và ông Quang.

[2] Về pháp luật nội dung áp dụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn thể hiện: Nguyên đơn cho bà Nvay tiền từ thời gian năm 2013 đến năm 2016, bị đơn bà Hồ Thị Ncó bản tự khai xác nhận giao dịch vay tiền là khoảng năm 2015. Do đó, HĐXX xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Đối với yêu cầu buộc bà Hồ Thị Nthanh toán số nợ gốc 680.000.000 đồng:

Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Pthể hiện giao dịch vay số tiền 680.000.000 đồng giữa bà Pvà bị đơn bà Hồ Thị Nvào thời gian từ năm 2013 đến 2016, khi bà Nbị bắt giam ngày 26/10/2016 thì bà Ncó gọi điện xác nhận sẽ có trách nhiệm trả số tiền 680.000.000 đồng. Đồng thời theo bản tự khai của bị đơn bà Hồ Thị Ncũng xác nhận khoảng năm 2015 bà có vay của bà Psố tiền 680.000.000 đồng. Đến ngày 26/10/2016 bà bị bắt tạm giam nên không thực hiện được việc thanh toán số tiền nợ này. Do đó, nội dung giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Pvà bà Hồ Thị Nđược giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Giao dịch nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 121, 122, 124 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 680.000.000 đồng và bị đơn cũng xác nhận nợ 680.000.000 đồng. Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, tuy giữa các bên không có ký kết hợp đồng vay tài sản, nhưng HĐXX có căn cứ xác định bà Hồ Thị Ncó vay của bà Nguyễn Thị Psố tiền 680.000.000 đồng là có thật và thuộc hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi, thời hạn bà Pyêu cầu bà Nthanh toán số tiền nợ là ngày bà Nbị bắt giam ngày 26/10/2016. Hiện nay bà Nvẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nên đã xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Hồ Thị Nthanh

toán số tiền nợ là 680.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 473 và 477 Bộ luật dân sự năm 2005 nên HĐXX chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu buộc bà Hồ Thị Nthanh toán số lãi từ ngày 27/10/2016 đến ngày 03/3/2021, lãi suất 0,83%/ tháng với số tiền 150.000.000 đồng.

HĐXX nhận thấy: Theo nội dung đã được phân tích tại mục [3.1] của bản án, thì thời hạn bà Pyêu cầu bà Nthanh toán số tiền nợ là ngày bà N bị bắt giam ngày 26/10/2016. Bà Nguyễn Thị Pgửi đơn khởi kiện bà Hồ Thị N vào ngày 18/11/2019 và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/10/2020, như vậy tính từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của bà P bị xâm phạm cho đến khi khởi kiện là 03 năm 22 ngày. Theo Điều 427 Bộ luật dân sự 2005 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm”*. Như vậy, đối với việc bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị N trả số tiền lãi 150.000.000 đồng là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do bị đơn bà Hồ Thị N yêu cầu áp dụng tính thời hiệu đối với số tiền lãi nên HĐXX không giải quyết yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 184 và điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đối với ý kiến chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc 680.000.000 đồng của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận. Đối với ý kiến chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi 150.000.000 đồng không phù hợp với nhận định tại mục [3.2] của bản án nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với số tiền nợ gốc và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Hồ Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $[20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (680.000.000 - 400.000.000 \text{ đồng})] = 31.200.000 \text{ đồng}$ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Do đình chỉ giải quyết nên nguyên đơn được hoàn trả tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 3 điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 92, 147, 184, 217, 218, 227, 228, 229, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 122, 124, 427, 471, 473 và 477 Bộ luật Dân sự 2005;
- Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Hồ Thị N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc bà Hồ Thị N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ gốc là 680.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hồ Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Hồ Thị N phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Hồ Thị N phải chịu 31.200.000 đồng (Ba mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị P được hoàn trả 19.247.760 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000971 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền